

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

SWC-025122MT

28/06/2022

I. THÔNG TIN MẪU

- Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC.
- Địa chỉ: Số 8 Không Tử, P.Bình Thới, TP.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
- Tên mẫu: Mẫu nước.
Thử nghiệm định kỳ của mạng lưới cấp nước (Tần suất A).
- Tình trạng mẫu: Mẫu được đựng trong bình 2L, không mùi, không vị lạ.
- Số lượng mẫu: 10
- Ngày nhận mẫu: 21/06/2022
- Thời gian thử nghiệm:* 21/06/2022 đến 24/06/2022
- Loại mẫu: : Nước ăn uống, sinh hoạt.
- Kết quả TN: : Xem trang sau.
- Ghi chú: Danh sách mẫu xem trang cuối.

* Thời gian thử nghiệm trên chưa bao gồm thời gian gửi mẫu hợp đồng phụ thử nghiệm.

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
TRƯỞNG PHÒNG



Trần Kim Thạch

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Quang Minh

Lưu ý:

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến;
- Không được trích sao 1 phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của SAWACO;
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày từ ngày trả kết quả;
- Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k=2$, mức tin cậy 95%. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ sau để biết thêm thông tin:
 - Phòng Quản lý Chất lượng nước: Số 2 Lê Văn Chí, phường Linh Trung, Quận Thủ Đức.
 - Email: sawaco.qcln@gmail.com
 - ĐT: (08) 37228357 hoặc (08) 37225927 hoặc (08) 37228495.

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

SWC-025122MT (1-2)



VILAS 1007

28/06/2022

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Quy chuẩn 01-1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-025122MT/1289	SWC-025122MT/1290
1	Độ màu	Pt-Co	Hach method 8025	-	≤ 15	3	4
2	Mùi	-	SMEWW 2150B:2017	-	Không có mùi lạ	Không có mùi	Không có mùi
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2017	0.04 NTU	≤ 2	<0.25	0.40
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	-	6.0 - 8.5	7.5	7.6
5	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	≤ 3	KPH	KPH
6	E. Coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	≤ 1	KPH	KPH
7	Clo dư	mg/L	Đo tại hiện trường	-	0.2 - 1.0	0.68	0.67

Th

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

SWC-025122MT (3-4)



VILAS 1007

28/06/2022

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Quy chuẩn 01-1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-025122MT/1291	SWC-025122MT/1292
1	Độ màu	Pt-Co	Hach method 8025	-	≤ 15	3	1
2	Mùi	-	SMEWW 2150B:2017	-	Không có mùi lạ	Không có mùi	Không có mùi
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2017	0.04 NTU	≤ 2	0.35	<0.25
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	-	6.0 - 8.5	7.6	7.6
5	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	≤ 3	KPH	KPH
6	E. Coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	≤ 1	KPH	KPH
7	Clo dư	mg/L	Đo tại hiện trường	-	0.2 - 1.0	0.81	0.78

Th

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

SWC-025122MT (5-6)



28/06/2022

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Quy chuẩn 01-1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-025122MT/1293	SWC-025122MT/1294
1	Độ màu	Pt-Co	Hach method 8025	-	≤ 15	4	2
2	Mùi	-	SMEWW 2150B:2017	-	Không có mùi lạ	Không có mùi	Không có mùi
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2017	0.04 NTU	≤ 2	0.40	<0.25
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	-	6.0 - 8.5	7.7	7.7
5	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	≤ 3	KPH	KPH
6	E. Coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	≤ 1	KPH	KPH
7	Clo dư	mg/L	Đo tại hiện trường	-	0.2 - 1.0	0.75	0.73

Th

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

SWC-025122MT (7-8)



VILAS 1007

28/06/2022

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Quy chuẩn 01-1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-025122MT/1295	SWC-025122MT/1296
1	Độ màu	Pt-Co	Hach method 8025	-	≤ 15	2	1
2	Mùi	-	SMEWW 2150B:2017	-	Không có mùi lạ	Không có mùi	Không có mùi
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2017	0.04 NTU	≤ 2	<0.25	<0.25
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	-	6.0 - 8.5	7.7	7.6
5	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	≤ 3	KPH	KPH
6	E. Coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	≤ 1	KPH	KPH
7	Clo dư	mg/L	Đo tại hiện trường	-	0.2 - 1.0	0.74	0.79

Handwritten signature

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

SWC-025122MT (9-10)



VILAS 1007

28/06/2022

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Quy chuẩn 01-1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-025122MT/1297	SWC-025122MT/1298
1	Độ màu	Pt-Co	Hach method 8025	-	≤ 15	1	2
2	Mùi	-	SMEWW 2150B:2017	-	Không có mùi lạ	Không có mùi	Không có mùi
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2017	0.04 NTU	≤ 2	<0.25	<0.25
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	-	6.0 - 8.5	7.6	7.6
5	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	≤ 3	KPH	KPH
6	E. Coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	≤ 1	KPH	KPH
7	Clo dư	mg/L	Đo tại hiện trường	-	0.2 - 1.0	0.76	0.77

Th

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM



VILAS 1007

SWC-025122MT

28/06/2022

III. DANH SÁCH MẪU THỬ NGHIỆM

STT	MSM	Địa chỉ	Ghi chú
1	SWC-025122MT/1289	: 47 đường 16, P. Linh Chiểu, Q. Thủ Đức;	
2	SWC-025122MT/1290	: 54/3 Đường 36, P.Linh Đông, TĐ;	
3	SWC-025122MT/1291	: 69 đường số 8, P. Trường Thọ, Q. TĐ;	
4	SWC-025122MT/1292	: Xí nghiệp Cơ điện TĐ, XLHN, P.Trường Thọ, Q.TĐ.	
5	SWC-025122MT/1293	: UBND P. An Phú, P. An Phú, Q.2;	
6	SWC-025122MT/1294	: XN thức ăn An Phú (164 Nguyễn Thị Định), P. An Phú, Q.2.	- KPH : không phát hiện;
7	SWC-025122MT/1295	: TYT P. Bình Trưng Tây (1 Nguyễn Duy Trinh), P. Bình Trưng Tây, Q.2;	(*) : Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025;
8	SWC-025122MT/1296	: UBND P. Phú Hữu (891 Nguyễn Duy Trinh), P. Phú Hữu, Q.9.	
9	SWC-025122MT/1297	: TTYT P. Long Trường (1341 Nguyễn Duy Trinh), P. Long Trường, Q.9;	
10	SWC-025122MT/1298	: Khu công nghệ cao (D1 KCNC), P. Hiệp Phú, Q.9.	

Th